

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHÚ MỸ
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 67/2025/DS-ST
Ngày: 31-03-2025
Về việc: “Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Thường

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phan Thị Sơn

2. Ông Nguyễn Thế Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Mỹ tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 03 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 622/2024/TLST-DS ngày 02/12/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2025/QĐXXST-DS ngày 25/02/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2025/QĐST-DS ngày 13/3/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty T1 (Việt Nam)

Địa chỉ: I P, phường B, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lee Yun H - Chức vụ: Tổng Giám đốc (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần La Ngọc H1 - Chức vụ: Trưởng phòng tổ tụng (vắng mặt).

Ủy quyền tham gia tố tụng cho: Công ty L

Địa chỉ: Số B L, phường V, quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Cồ Lê H2 - Chức vụ: Giám đốc (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức T - Nhân viên. (vắng mặt – Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Khu phố M, phường M, thành phố P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Đức T trình bày:

Ngày 04/10/2022, Công ty T1 (Việt Nam) (sau đây gọi tắt là “Công ty T1”) ký Hợp đồng tín dụng số: 3724090 với bà Phạm Thị Đ với nội dung:

- Công ty T1 cấp tín dụng cho bà Nguyễn Thị Đ1 số tiền: 31.980.000 đồng (*Ba mươi một triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng*), trong đó bao gồm: 30.000.000 đồng tiền vay và 1.980.000 đồng tiền bảo hiểm khoản vay. Mục đích vay để tiêu dùng;

- Hình thức vay tín chấp và không có tài sản bảo đảm;

- Thời hạn vay 24 tháng, tính từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đến ngày 15/1/2024. Các bên thỏa thuận số tiền trả hàng tháng như sau: Ngày 15/11/2022 trả số tiền 2.039.038 đồng, từ ngày 15/12/2022 đến ngày 15/9/2024 mỗi tháng trả số tiền 2.039.038 đồng và ngày 15/10/2024 trả số tiền 2.735.211 đồng.

- Lãi suất hàng tháng quy định: Từ kỳ thanh toán thứ 1 đến kỳ thanh toán thứ 20 là 3.67%/tháng (44.00%/năm, tính một năm là 365 ngày); từ kỳ thanh toán thứ 21 đến kỳ 24 là 0% (0%/năm);

Ngoài ra Hợp đồng còn thỏa thuận về phí trả nợ trước hạn, lãi suất tính trên nợ gốc, nợ lãi trong trường hợp không trả hoặc trả không đầy đủ khi đến hạn thanh toán, tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn và lãi suất trên tiền lãi chậm trả.

Thực hiện hợp đồng, ngày 06/10/2022 nguyên đơn đã giải ngân cho bị đơn số tiền 31.980.000 đồng, gồm khoản vay 30.000.000 đồng và đóng phí bảo hiểm 1.980.000 đồng.

Từ ngày 17/11/2022 bà Đ1 đã thanh toán cho Công ty T1 10 kỳ với tổng số tiền: 20.397.342 đồng, trong đó tiền gốc là 9.627.701 đồng; lãi là 10.642.687 đồng và phí là 120.000 đồng. Từ ngày 19/08/2023 bà Phạm Thị Đ không trả thêm bất cứ khoản tiền nào cho Công ty T1.

Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bà Đ phải thanh toán tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 03/5/2024 là 30.146.030 đồng (gồm tiền gốc, tiền lãi trong hạn chưa thanh toán, tiền lãi quá hạn, tiền lãi chậm trả)

Sau đó, Công ty T1 yêu cầu bà Đ phải thanh toán số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 31/3/2025 với tổng số tiền là 42.887.986đ (Bốn mươi hai triệu, tám trăm tám mươi bảy nghìn, chín trăm tám mươi sáu đồng); trong nợ gốc là 22.352.299 đồng; lãi quá hạn là 6.020.287 đồng; lãi phạt gốc là 13.776.884 đồng và lãi chậm trả là 738.515 đồng.

Ngoài ra, nguyên đơn còn buộc bà Đ phải tiếp tục thanh toán tiền lãi và các khoản phí phát sinh kể từ ngày 01/4/2025 cho đến khi hoàn tất việc thanh toán khoản vay theo thỏa thuận tại Hợp đồng số 3724090.

Đối với bị đơn bà Phạm Thị Đ:

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn bà Phạm Thị Đ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tuy nhiên bà Phạm Thị Đ không đến Tòa án làm việc, không gửi văn bản thể hiện quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án. Vì vậy Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng để xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Mỹ tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70,71 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70,72 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Phạm Thị Đ phải thanh toán nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký với Công ty T1, cụ thể khoản nợ tính đến ngày 31/03/2025 là 42.887.986 đồng. Buộc bà Phạm Thị Đ tiếp tục thanh toán các khoản tiền lãi và phí phát sinh tính từ ngày 01/04/2025 cho đến khi Công ty T1 thu hồi hết nợ.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải đóng án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Giấy Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3724090 ngày 04/10/2022 được ký kết giữa Công ty T1 và bà Phạm Thị Đ với mục đích vay tiêu dùng cá nhân (mua hàng), nay có phát sinh tranh chấp nên Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”. Bị đơn bà Phạm Thị Đ cư trú tại khu phố M, phường M, thành phố P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và trong thời hạn khởi kiện.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Đức T vắng mặt nhưng đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn bà Phạm Thị Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Nội dung vụ án:

[2.1]. Xét tính pháp lý của hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên:

Công ty T1 là một tổ chức tín dụng nên tổ chức và hoạt động theo Luật các Tổ chức tín dụng. Nên “Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng” số 3724090 được ký giữa Công ty T1 và bà Phạm Thị Đ vào ngày 04/10/2022 dựa trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận giữa các bên có nội dung phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với Luật Các tổ chức tín dụng nên phát sinh hiệu lực thi hành.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.2.1] Đối với số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp nhận thấy trong quá trình thực hiện Hợp đồng, phía bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, cụ thể việc trả nợ gốc và lãi trong hạn không thực hiện đúng kỳ thanh toán như thỏa thuận tại Mục 3.6 Phần B của “Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng” số 3724090.

Xét mức lãi suất nợ trong hạn thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 372409, thì thấy:

Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 100 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024 quy định “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*” và khoản 1, khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC quy định: “*1. Lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng do các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng, thời điểm tính lãi suất. 2. Khi giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng, Tòa án áp dụng quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng để giải quyết mà không áp dụng quy định về giới hạn lãi suất của Bộ luật Dân sự năm 2005, Bộ luật Dân sự năm 2015 để xác định lãi, lãi suất.*”.

Do đó, mức lãi suất 3.67%/tháng (44%/năm), thỏa thuận tại Mục 3.7 của “Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng” số 3724090 là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn được 10 kỳ (Vào các ngày 17/11/2022; 15/12/2022; 15/01/2023; 15/02/2023; 15/3/2023; 14/4/2023; 15/5/2023; 15/6/2023; 17/7/2023 và 18/8/2023), với tổng số tiền: 20.397.342 đồng, trong đó tiền gốc là 9.627.701 đồng; lãi là 10.642.687 đồng và phí là 120.000 đồng.

Như vậy, số tiền gốc và tiền lãi trong hạn bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn là:

- Tiền nợ gốc 31.980.000 đồng – 9.627.701 đồng = 22.352.299 đồng.

- Số tiền lãi trong hạn bị đơn còn nợ nguyên đơn tính từ kỳ 11 đến kỳ 20 là 6.020.287 đồng.

[2.2.2] Đối với số tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn:

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên phải chịu lãi suất quá hạn là 150% (tính trên lãi suất năm, số dư nợ gốc phải góp mỗi kỳ chưa trả và số ngày trễ hạn) theo thỏa thuận tại Mục 8.3 Phần B Hợp đồng tín dụng.

Căn cứ báo cáo thu hồi nợ vay hợp đồng tín dụng do nguyên đơn cung cấp nhận thấy từ ngày 15/9/2023 đến ngày 15/10/2024, các khoản nợ gốc phải góp mỗi kỳ mà bị đơn chưa trả đã được chuyển sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 31/3/2025, tổng số tiền lãi quá hạn trên số dư nợ gốc bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn là 13.776.884 đồng.

[2.2.3] Đối với số tiền lãi chậm trả:

Như đã phân tích tại Mục [2.2.1], tính đến ngày 31/3/2025 bị đơn mới thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền lãi góp của 10 kỳ là 10.642.687đồng, còn lại 10 kỳ chưa thanh toán. Do đó bị đơn phải chịu lãi chậm trả là 10% (tính trên số dư lãi chậm trả và số ngày trễ hạn) theo thỏa thuận tại Mục 8.3 Phần B Hợp đồng tín dụng.

Căn cứ báo cáo thu hồi nợ vay hợp đồng tín dụng do nguyên đơn cung cấp, tính đến ngày 31/3/2025, tổng số tiền lãi chậm trả trên số tiền lãi góp của 10 kỳ bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn là 1.738.515 đồng.

Từ những nhận định trên, xét thấy các khoản tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán do vi phạm nghĩa vụ là phù hợp với thỏa thuận giữa các bên. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn các khoản tiền nợ gốc, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn và lãi chậm trả phát sinh từ “Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng” số 3724090, cần buộc bà Phạm Thị Đ phải thanh toán cho Công ty T1 số tiền nợ tính đến ngày 31/03/2025 là 42.887.986 đồng, trong đó: nợ gốc: 22.352.299 đồng; nợ lãi trong hạn: 6.020.287 đồng; nợ lãi quá hạn: 13.776.884 đồng; lãi chậm trả: 738.515 đồng.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên cần buộc bị đơn bà Phạm Thị Đ đóng án phí dân sự sơ thẩm là 42.887.986 đồng x 5% = 2.144.399 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 100 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;

Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/10/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty T1 (Việt Nam) đối với bà Phạm Thị Đ về “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*”;

Buộc bà Phạm Thị Đ thanh toán cho Công ty T1 (Việt Nam) số tiền nợ tính đến ngày 31/03/2025 là 42.887.986đ (Bốn mươi hai triệu, tám trăm tám mươi bảy ngàn, chín trăm tám mươi sáu đồng). Trong đó: Tiền nợ gốc là 22.352.299đ (Hai mươi hai triệu, ba trăm năm mươi hai ngàn hai trăm chín mươi chín đồng); nợ lãi trong hạn là 6.020.287đ (Sáu triệu, không trăm hai mươi ngàn hai trăm tám mươi bảy đồng); nợ lãi quá hạn là 13.776.884đ (Mười ba triệu, bảy trăm bảy mươi sáu ngàn, tám trăm tám mươi bốn đồng) và lãi chậm trả là 738.515đ (Bảy trăm, ba mươi tám ngàn, năm trăm mười lăm đồng).

Bà Phạm Thị Đ có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán tiền lãi và phí phát sinh kể từ ngày 01/04/2025 theo “Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng” số 3724090 ngày 04/10/2022 cho đến khi Công ty T1 (Việt Nam) thu hồi hết nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị Đ phải nộp số tiền 2.144.399đ (Hai triệu, một trăm bốn mươi bốn ngàn, ba trăm chín mươi chín đồng).

H3 lại cho Công ty T1 (Việt Nam) số tiền 753.000đ (Bảy trăm, năm mươi ba ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004140 ngày 29/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ (Nay là thành phố P), tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

3. Trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. (Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND thành phố Phú Mỹ;
- Chi cục THADS thành phố Phú Mỹ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Xuân Thường

